

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72B/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 25-9-2024.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-8-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Quỳnh C, sinh năm 1994; địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Mỹ H, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-5-2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Hoàng Quỳnh C và bị đơn anh Lê Mỹ H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2014. Có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị C và anh H chuyển về chung sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau tại tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đến khoảng năm 2017, nguyên đơn chị C và bị đơn anh H phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp,

bất đồng quan điểm. Anh H tự ý bỏ về nhà cha mẹ tại ấp Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và từ đó không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Chị C thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị C và anh H có với nhau 01 người con chung tên Lê Nghĩa N, sinh ngày 11-4-2017. Hiện nay, cháu N đang sống cùng với chị C. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lê Mỹ H:

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng từ khi Tòa án thụ lý đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nhận thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh H; Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Nghĩa N, sinh ngày 11-4-2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; chị C không có yêu cầu anh H nuôi con, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: chị C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Quỳnh C khởi kiện

yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Mỹ H, sinh năm 1984. Bị đơn anh H có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến; bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, nguyên đơn chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Nguyên đơn chị C và bị đơn anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội và được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, Quyền số: 13/2012 ngày 30-12-2014. Nhận thấy, tại thời điểm kết hôn nguyên đơn và bị đơn đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được pháp luật công nhận.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Sau khi kết hôn nguyên đơn và bị đơn sinh sống hạnh phúc đến khoảng 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, nên bị đơn anh H bỏ về nhà cha, mẹ tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cương quyết ly hôn. Do đó nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị C ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung:

[4.1] Trong thời gian chung sống, chị C và anh H có với nhau 01 người con chung tên Lê Nghĩa N, sinh ngày 11-04-2017 chị C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nghĩa N đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bị đơn anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị C và anh H không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay, cháu N sống chung cùng với chị C. Tại bản trình bày của cháu Lê Nghĩa N ngày 02-8-2024: Cháu N có nguyện vọng được sống chung chị C. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và

Gia đình, giao cháu N cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ. Giao quyền thăm nom con chung cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: ... “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”... Theo quy định này, bị đơn anh H không phải người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị C không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị C tự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những nhận định nêu trên, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005086 ngày 07-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị C đã nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm xong.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Hoàng Quỳnh C được ly hôn với anh Lê Mỹ H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nghĩa N (giới tính: Nam), sinh

ngày 11-4-2017 cho chị Hoàng Quỳnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Mỹ H có quyền, nghĩa vụ tham nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Hoàng Quỳnh C không yêu cầu anh Lê Mỹ H cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: chị Hoàng Quỳnh C tự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: chị Hoàng Quỳnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005086 ngày 07-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND TT. Phú Xuyên, H. Phú Xuyên, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Văn Trúc